

Số: ~~41~~ /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày ~~13~~ tháng 3 năm 2020

## BÁO CÁO

### Tình hình thiếu giáo viên trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Theo đề nghị của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 4922/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 29/10/2019 về việc trao đổi một số vấn đề liên quan về biên chế giáo viên, UBND tỉnh báo cáo tình hình thiếu giáo viên trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi như sau:

#### I. Thực trạng về số lượng người làm việc (biên chế), số lớp, định mức giáo viên/lớp

##### 1. Bậc Mầm non

Biên chế sự nghiệp được cấp có thẩm quyền giao năm học 2019 – 2020 là 3.566 biên chế (bao gồm biên chế giáo viên quản lý, giáo viên và viên chức khác); trong đó có 2.899 biên chế giáo viên.

Hiện có 1.627 nhóm/lớp. So với định mức giáo viên/lớp được quy định tại Thông tư Liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập, bậc học Mầm non; số giáo viên cần có theo định mức là 3.613 người.

Số biên chế giáo viên còn thiếu theo định mức là 714 biên chế.

(Cụ thể tại Phụ lục số 1)

##### 2. Bậc Tiểu học

Biên chế sự nghiệp được cấp có thẩm quyền giao năm học 2019 – 2020 là 6.129 biên chế (bao gồm biên chế giáo viên quản lý, giáo viên và viên chức khác); trong đó có 5.080 biên chế giáo viên.

Hiện có 3.610 lớp. So với định mức giáo viên/lớp được quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập, cấp Tiểu học; số giáo viên cần có theo định mức là 5.578 người.

Số biên chế giáo viên còn thiếu theo định mức là 525 biên chế.

Số giáo viên thừa cục bộ giữa các môn, các địa phương là 39 người.

(Cụ thể tại Phụ lục số 2)

##### 3. Bậc Trung học cơ sở

Biên chế sự nghiệp được cấp có thẩm quyền giao năm học 2019 – 2020 là 5.598 biên chế (bao gồm biên chế giáo viên quản lý, giáo viên và viên chức khác); trong đó có 4.438 biên chế giáo viên.

Hiện có 2.161 lớp. So với định mức giáo viên/lớp được quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập; số giáo viên cần có theo định mức là 4.393 người.

Việc bố trí giáo viên/lớp cấp THCS trên địa bàn tỉnh đạt tỷ lệ đảm bảo. Tuy nhiên vẫn còn thừa, thiếu cục bộ ở một vài bộ môn và một số địa phương (thừa: 117 giáo viên (có mặt); thiếu 84 giáo viên).

(Cụ thể tại Phụ lục số 3)

#### **4. Bậc Trung học phổ thông:**

Biên chế sự nghiệp được cấp có thẩm quyền giao năm học 2019 – 2020 là 2.643 biên chế (bao gồm biên chế giáo viên quản lý, giáo viên và viên chức khác); trong đó có 2.229 biên chế giáo viên.

Hiện có 978 lớp (kể cả 10 lớp tiểu học thuộc Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh và 19 lớp THCS của Trường THPT Vạn Tường, Trường THCS-THPT Phạm Kiệt, trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo). So với định mức giáo viên/lớp được quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập; số giáo viên cần có theo định mức là 2.211 người.

Việc bố trí giáo viên/lớp cấp THPT trên địa bàn tỉnh đạt tỷ lệ đảm bảo. Tuy nhiên vẫn còn thừa, thiếu cục bộ ở một vài bộ môn và một số địa phương (thừa 18 giáo viên (có mặt)).

(Cụ thể tại Phụ lục số 4)

## **II. Đánh giá chung**

### **1. Ưu điểm**

- Được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của cấp ủy, chính quyền các cấp trong việc triển khai, thực hiện nhiệm vụ giáo dục và đào tạo;

- Tỷ lệ giáo viên/lớp bậc THCS, THPT cơ bản đáp ứng yêu cầu dạy và học;

- Việc rà soát, sắp xếp lại đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục ở các sở giáo dục được thực hiện kịp thời và đạt hiệu quả nhất định;

- Công tác dự báo, rà soát, tuyển dụng, điều động được thực hiện thường xuyên trong những năm gần đây;

- Công tác quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo được chú trọng đúng mức;

- Số lớp, số học sinh tại các cơ sở giáo dục duy trì ở mức ổn định và có xu hướng tăng dần qua từng năm học.

## **2. Tồn tại, hạn chế**

- Tình trạng thiếu giáo viên ở các cấp học/bậc học còn nhiều, đặc biệt là các bậc học Mầm non và cấp Tiểu học trên địa bàn tỉnh.

- Tỷ lệ giáo viên/lớp chưa đảm bảo theo quy định, ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy, nuôi dạy ở các cấp học/bậc học. Đặc biệt, đối với bậc học Mầm non công tác chăm sóc và nuôi dạy trẻ chưa đáp ứng được yêu cầu, vì tỷ lệ giáo viên trên lớp quá thấp. Việc dạy 2 buổi/ngày tại các trường tiểu học chưa thực hiện đồng bộ, đại trà, vì không đảm bảo tỷ lệ giáo viên. Ngoài ra, công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia cũng gặp nhiều khó khăn đối với các đơn vị.

- Nhiều cấp học thừa, thiếu cục bộ giáo viên (*trường thừa, trường thiếu; môn thừa, môn thiếu*);

- Chỉ tiêu biên chế giao cho ngành giáo dục của địa phương chưa đảm bảo theo định mức quy định nên rất khó khăn trong việc sắp xếp, bố trí nhân sự ở các đơn vị trường học.

- Theo hướng dẫn tại Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 thì thời gian tuyển dụng từ khi xin chủ trương đến ban hành quyết định phân công công tác tối thiểu từ 06 tháng trở lên (*gần hết năm học*); trong thực tế đội ngũ nhà giáo luôn biến động, phụ thuộc vào lớp, học sinh, số nghỉ hưu, nghỉ tinh giản, xin thôi việc, chuyển đơn vị, nghỉ đau ốm, nghỉ hộ sản... Việc không cho hợp đồng chuyên môn ở các đơn vị sự nghiệp theo Nghị định số 161/2018/NĐ-CP của Chính phủ gây khó khăn cho các đơn vị vì nếu không hợp đồng giáo viên thì sẽ không có giáo viên đứng lớp để duy trì việc dạy học tại các trường.

## **3. Nguyên nhân**

- Một số trường học nằm ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, có nhiều điểm trường lẻ, khoảng cách từ điểm trường lẻ đến điểm trường chính quá xa, địa bàn hiểm trở, rất khó khăn trong việc đi lại của học sinh nên không thể sáp nhập, dồn lớp về điểm trường chính, vì vậy số học sinh trong một lớp ít so với quy định, trong khi các lớp học này vẫn cần đảm bảo đủ giáo viên giảng dạy theo quy định.

- Giáo dục Tiểu học trước nhiệm vụ nâng cao chất lượng giáo dục và giáo dục toàn diện nên tổ chức dạy học 2 buổi/ngày là điều kiện cần thiết nhưng giáo viên/lớp chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Đến năm 2021, thực hiện tinh giản, cắt giảm biên chế tối thiểu 10% so với số giao năm 2015 (*kể cả biên chế sự nghiệp giáo dục*), địa phương gặp

nhieu khó khăn trong việc bố trí biên chế sự nghiệp giáo dục (vì biên chế phụ thuộc vào quy mô lớp, học sinh, vùng miền theo biến động hàng năm, không thể tính giản một cách cơ học).

- Hiện nay, giáo viên tại các trường học trên địa bàn tỉnh biến đổi nhanh, hàng tháng đều có giáo viên nghỉ hưu, thôi việc, chuyển công tác, nghỉ thai sản, ốm đau, ... Tuy nhiên, việc tuyển dụng giáo viên mất nhiều thời gian nên gây khó khăn cho công tác bố trí đủ giáo viên.

### **III. Kiến nghị, đề xuất bổ sung biên chế sự nghiệp giáo dục**

#### **1. Bậc Mầm non**

Biên chế giáo viên được cấp có thẩm quyền giao là 2.899 biên chế; số giáo viên cần có theo định mức là 3.613 người. Biên chế đề nghị bổ sung là 714 biên chế.

(Cụ thể tại Phụ lục số 1)

#### **2. Bậc Tiểu học**

Biên chế giáo viên được cấp có thẩm quyền giao là 5.080 biên chế; số giáo viên cần có theo định mức là 5.578 người. Biên chế đề nghị bổ sung là 486 biên chế.

(Cụ thể tại Phụ lục số 2)

#### **3. Đối với bậc Trung học cơ sở và Trung học phổ thông**

Việc bố trí giáo viên/lớp bậc THCS và THPT trên địa bàn tỉnh cơ bản đạt tỷ lệ đảm bảo. Đối với số lượng giáo viên thừa, thiếu cục bộ ở một vài bộ môn và một số địa phương, UBND tỉnh Quảng Ngãi sẽ chỉ đạo rà soát, thực hiện điều chuyển giáo viên, phân công kiêm nhiệm, thực hiện chế độ giảm định mức tiết dạy và quy đổi các hoạt động chuyên môn khác ra tiết dạy đảm bảo tính hợp lý, cân đối; đồng thời thực hiện nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định 108/NĐ-CP, cắt giảm biên chế dư thừa theo lộ trình.

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo Bộ Nội vụ theo dõi, tổng hợp./.

#### **Nơi nhận:**

- Bộ Nội vụ;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Sở Nội vụ;
- VPUB: CVP, PCVP (VX), KGVX, CBTH;
- Lưu: VT, NC, <sup>v142</sup>

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Căng



**SỐ LƯỢNG BIÊN CHẾ GIÁO VIÊN MẦM NON THIẾU THEO ĐỊNH MỨC**

Năm học 2019 - 2020 (Số liệu tính đến ngày 31/10/2019)

Báo cáo số 41 /BC-UBND ngày 13 /3/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Huyện/thị xã/thành phố	Số trẻ		Nhóm/lớp		Biên chế được giao		GV cần có theo định mức		Số biên chế giáo viên còn thiếu
		Nhà trẻ	Mẫu giáo	Số nhóm trẻ	Số lớp Mẫu giáo	Nhà trẻ	Mẫu giáo	Nhà trẻ	Mẫu giáo	
	<i>I</i>	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	TP. Quảng Ngãi	962	5948	40	173	86	353	100.0	380.6	42
2	Huyện Sơn Tịnh	176	1997	9	80	18	132	22.5	176.0	48
3	Huyện Bình Sơn	138	5710	7	188	14	304	17.5	413.6	113
4	Huyện Tư Nghĩa	419	3799	18	130	36	262	45.0	286.0	33
5	Huyện Nghĩa Hành	368	2406	15	86	29	159	37.5	189.2	39
6	Huyện Mộ Đức	493	3381	22	116	44	229	55.0	255.0	37
7	Thị xã Đức Phổ	472	4221	23	141	52	273	57.5	310.2	43
8	Huyện Lý Sơn	229	1062	7	32	14	49	17.5	70.4	25
9	Huyện Sơn Hà	331	3945	15	133	25	139	37.5	292.6	166
10	Huyện Trà Bồng	264	2108	11	74	30	120	27.5	162.8	40
11	Huyện Ba Tơ	184	3374	9	122	18	191	22.5	268.4	82
12	Huyện Minh Long	66	1057	3	40	7	88	7.5	88.0	0
13	Huyện Sơn Tây	103	1370	7	62	15	115	17.5	136.4	24
14	Huyện Tây Trà	51	1382	3	61	5	92	6.0	113.0	22
<b>Tổng cộng</b>		<b>4256</b>	<b>41760</b>	<b>189</b>	<b>1438</b>	<b>393</b>	<b>2506</b>	<b>471</b>	<b>3142.2</b>	<b>714</b>



**THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG GIÁO VIÊN TIỂU HỌC THIẾU THEO ĐỊNH MỨC**

Năm học 2019 - 2020 (Số liệu tính đến ngày 31/10/2019)

(Kèm theo Báo cáo số 41 /BC-UBND ngày 13/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Huyện/Thành phố	Số trường (một cấp học)	Số lớp	Biên chế được giao	GV cần có theo định mức			Giáo viên thừa thiếu		Số biên chế giáo viên cần bổ sung	Ghi chú
					Tổng	Tỷ lệ 1,5GV/lớp	GV làm Tổng phụ trách Đội	Thừa	Thiếu		
1	TP. Quảng Ngãi	21	611	839	937,5	916,5	21	1	98,5	97	
2	Huyện Sơn Tịnh	12	226	336	351	339	12	5	15	10	
3	Huyện Bình Sơn	24	512	733	792	768	24	2	59	57	
4	Huyện Tư Nghĩa	20	276	416	434	414	20		18	18	
5	Huyện Nghĩa Hành	13	210	287	328	315	13		41	41	
6	Huyện Mộ Đức	16	286	468	445	429	16	23		0	Giáo viên thừa sẽ nghỉ hưu, tgb, cắt giảm BC
7	Thị xã Đức Phổ	14	343	434	528,5	514,5	14		94,5	94	
8	Huyện Lý Sơn	3	65	104	100,5	97,5	3	3,5		0	Giáo viên thừa sẽ nghỉ hưu, tgb, cắt giảm BC
9	Huyện Sơn Hà	10	343	443	524,5	514,5	10		81,5	81	
10	Huyện Trà Bồng	7	148	195	229	222	7	3	34	31	
11	Huyện Ba Tơ	9	251	336	385,5	376,5	9	1	49,5	48	
12	Huyện Minh Long	4	82	121	127	123	4		6	6	
13	Huyện Sơn Tây	1	132	179	199	198	1		20	20	
14	Huyện Tây Trà	9	125	189	196,5	187,5	9		7,5	7	
<b>Tổng cộng</b>		<b>163</b>	<b>3610</b>	<b>5080</b>	<b>5578</b>	<b>5415</b>	<b>163</b>	<b>39</b>	<b>525</b>	<b>486</b>	

THÔNG KÊ LƯƠNG BIÊN CHẾ GIÁO VIÊN THCS THIÊU THEO ĐỊNH MỨC

năm học 2019 - 2020 (Số liệu tính đến ngày 31/10/2019)  
(Kèm theo Báo cáo số 41 /BC-UBND ngày 13 /3/2020 của UBND  
tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Huyện/Thành phố	Số lớp	Biên chế được giao	GV cần có theo định mức	Giáo viên thừa thiếu	
					Thừa	Thiếu
1	TP. Quảng Ngãi	412	804	805.8	26	28
2	Huyện Sơn Tịnh	152	300	290	10	0
3	Huyện Bình Sơn	289	580	572	8	2
4	Huyện Tư Nghĩa	207	415	406.3	9	3
5	Huyện Nghĩa Hành	134	279	269	20	10
6	Huyện Mộ Đức	195	424	429	0	5
7	Thị xã Đức Phổ	231	483	483	0	0
8	Huyện Lý Sơn	42	82	82	0	0
9	Huyện Sơn Hà	141	286	286	14	14
10	Huyện Trà Bồng	72	167	149	18	9
11	Huyện Ba Tơ	124	258	265	3	7
12	Huyện Minh Long	40	92	83	9	1
13	Huyện Sơn Tây	59	128	127.7	0	0
14	Huyện Tây Trà	63	140	145	0	5
<b>Tổng cộng</b>		<b>2161</b>	<b>4438</b>	<b>4393</b>	<b>117</b>	<b>84</b>

THÔNG KÊ SỐ QUANG GIÁO VIÊN THPT THỪA/THIẾU THEO ĐỊNH MỨC

Trung tâm: DN-GD TX và HN; Hỗ trợ phát triển GDHN tỉnh)

Năm học 2019 - 2020 (Số liệu tính đến ngày 31/10/2019)

(Kèm theo Báo cáo số 41 /BC-UBND ngày 13/3/2020 của UBND  
tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Tên cơ quan	Số lớp Tiểu học	Số lớp THCS	Số lớp THPT		GV hiện có	GV cần có theo định mức	Giáo viên thừa thiếu	
				Lớp chuyên	Không chuyên			Thừa	Thiếu
*	Sở Giáo dục và Đào tạo	10	19	29	920	2229	2211	18	

\* Ghi chú: 10 lớp tiểu học thuộc Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh và 19 lớp THCS của Trường THPT Vạn Tường, Trường THCS-THPT Phạm Kiệt